

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-10-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Trương Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Thị Phụng L**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: **Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An** (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Đặng Minh H**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: **Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Lưu Thị Phụng L** trình bày:*

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu bà và ông **Đặng Minh H** đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** vào ngày 25/11/2002. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận, ông **H** thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện vô cớ và đánh bà, ông **H** không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay.

Bà **Phụng L** thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông **H**.

2. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên **Đặng Công M**, sinh ngày: 02/6/1997, giới tính: nam và **Đặng Thị Ngọc T**, sinh ngày: 10/4/2002, giới tính: nữ.

Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có thể sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Bị đơn ông **Đặng Minh H** trình bày.

Ông thừa nhận lời trình bày của bà **Lưu Thị Phụng L** là đúng sự thật về việc tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và các con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng có phát sinh vài mâu thuẫn, bất đồng ý kiến do bà **Phụng L** tham gia đánh bài, ông thừa nhận khi uống rượu về nhà có lời qua tiếng lại với bà **Phụng L** và đánh bà **L** một lần.

Nay bà **Phụng L** yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng, ông còn thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung; Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bà **L**, ông **H** có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà **L** nhận thấy mối quan hệ giữa bà với ông **H** nhiều mâu thuẫn, ông **H** thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh đập bà, ông **H** không quan tâm, chăm sóc gia đình, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ. Hơn nữa, bà **L** và ông **H** đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay nên yêu cầu của bà **L** về việc ly hôn với ông **H** là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: 02 con chung tên **Đặng Công M**, sinh ngày: 02/6/1997, giới tính: nam và **Đặng Thị Ngọc T**, sinh ngày 10/4/2002, giới tính: nữ, các con chung đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà **L** không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà **Lưu Thị Phụng L** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Đặng Minh H**, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông **Đặng Minh H** cư trú tại **ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông **Đặng Minh H** không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà **Lưu Thị Phụng L** với ông **Đặng Minh H** là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, ông **H** không chăm lo cho gia đình và thường xuyên uống rượu nên vợ chồng cự cãi. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà **Phụng L** với ông **H** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà **Phụng L** yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà **L** và ông **H** có hai con chung tên **Đặng Công M**, sinh ngày: 02/6/1997, giới tính: nam và **Đặng Thị Ngọc T**, sinh ngày: 10/4/2002, giới tính: nữ. Các con chung đủ tuổi trưởng thành, có thể sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà **Lưu Thị Phụng L** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Ông **Đặng Minh H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà **Lưu Thị Phụng L** được ly hôn với ông **Đặng Minh H**.

2. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

3. Về án phí:

Bà **Lưu Thị Phụng L** phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002127 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà **L** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông **Đặng Minh H** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND Long Khánh B,
huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Chí Dũng